TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HS-ST
Ngày 25/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Việt Phương.

2. Bà Phí Thị Thanh Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2020/HSST ngày 05 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Lê Minh Đ**, sinh ngày 28/4/1991, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn Đ và bà Hoàng Thị B; nhân thân: Từ tháng 02/2011 đến tháng 09/2012 tham gia nghĩa vụ quân sự. Bản án số 81/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc. Chấp hành xong án phí ngày 14/5/2014. Bản án số 62/2014/HSST ngày 07/4/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp với Bản án số 81/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt 09 tháng tù, Lê Minh Đ phải chấp hành chung cho 02 Bản án là 03 năm 02 tháng 21 ngày tù (đã được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam); chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2016; chấp hành xong án phí ngày 16/5/2014; bị tạm giữ từ ngày 03/6/2020 đến ngày 06/6/2020 chuyển tạm giam cho đến nay.

***** Người chứng kiến:

1. Ông Nhâm Văn T, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Số nhà 05/6, đường L, tổ 07, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Nguyễn Dương T, sinh năm 1957.

Nơi cư trú: Số nhà 07, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo có mặt, ông T, ông T đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 03/6/2020, Lê Minh Đ đi xe ôm của 01 người nam giới không quen biết đến khu vực cầu Cống Trắng, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đến nơi Đ gặp và mua của 01 người nam giới khoảng 30 tuổi, không biết tên và địa chỉ 400.000 đồng được 02 gói ma túy bên ngoài mỗi gói được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ. Đ nhận 02 gói ma túy đi tìm chỗ sử dụng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, khi Đ đi đến khu vực đường Lý Thường Kiệt, tổ 01, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình thì bị tổ công tác Công an phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình yêu cầu kiểm tra vì nghi có liên quan đến ma túy. Khi kiểm tra, trước sự chứng kiến của ông Nhâm Văn T và ông Nguyễn Dương T, Đ tự giác giao nộp cho tổ công tác 02 gói ma túy. Kiểm tra người Đ quản lý số tiền 110.000 đồng.

- Kết luận giám định số 203/KLGĐ-PC09 ngày 04/6/2020 kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục trong phong bì niêm phong ghi: "Vật chứng quản lý của Lê Minh Đ, sinh năm 1991, ĐKHKTT tại thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, ngày 03/6/2020" gửi giám định là ma túy, loại Heroine có khối lượng 0,1445 gam.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 110/CT-VKSTPTB ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/6/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy số Heroine còn lại sau giám định; trả lại bị cáo số tiền 110.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại hay có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được chứng minh bằng:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang.
- Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ.
- Kết luận giám định số 203/KLGĐ-PC09 ngày 04/6/2020.
- Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến.

Cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 03/6/2020, tại khu vực đường Lý Thường Kiệt, tổ 01, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, Lê Minh Đ có hành vi tàng trữ trái phép trong người 02 gói ma túy, loại Heroine (Hêrôine), có khối lượng 0,1445 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị Công an phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)...;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là người có nhân thân xấu đã từng 02 lần phạm tội bị Tòa án đưa ra xét xử. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự. Các tình tiết này được giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cần thiết phải xử phạt mức hình phạt nghiêm minh với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5.2] Hình phạt bổ sung: Bị cáo tàng trữ lượng ma túy ít, để sử dụng, không nhằm mục đích kiếm lời, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về vật chứng của vụ án:

[6.1] Số Heroine còn lại sau giám định là 0,1171 gam thu giữ của bị cáo, đây là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

[6.2] Số tiền 110.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua của một nam giới khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ tại khu vực cầu Cống Trắng, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình nên Cơ quan Điều tra Công an thành phố Thái Bình không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Minh Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Minh Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/6/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy số Heroine còn lại sau giám định là 0,1171 gam, trong phong bì niêm phong số 203/KLGĐ-PC09 ngày 04/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình.

3.2. Trả lại bị cáo số tiền 110.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng Công an thành phố Thái Bình đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 06/8/2020).

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/8/2020).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Tuyết

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Tòa án ND tỉnh TB;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND TP Thái Bình;*
- *Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;*
- *Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP Thái Bình;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*